

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH THIẾT KẾ THỜI TRANG**

(Ban hành tại Quyết định số.....ngày.....của Hiệu trưởng trường
Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình: THIẾT KẾ THỜI TRANG

Ngành đào tạo: THIẾT KẾ THỜI TRANG

Tên tiếng Anh: FASHION DESIGN

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Mã số: **7210404**

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUI

Tp. Hồ Chí Minh, 2018

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: THIẾT KẾ THỜI TRANG

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: THIẾT KẾ THỜI TRANG

Mã ngành: 7210404

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUI

Văn bằng tốt nghiệp: Cử Nhân

(Ban hành tại Quyết định số.....ngày.....của Hiệu trưởng trường
Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp phổ thông trung học

3. Thang điểm, Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thang điểm: 10

Quy trình đào tạo: Theo qui chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 17/VBHN-BGDĐT

Điều kiện tốt nghiệp:

Điều kiện chung: Theo qui chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 17/VBHN-BGDĐT

Điều kiện của chuyên ngành: **Đạt kỳ thi kiểm tra năng lực “Qualified exam”**

4. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

Mục đích (Goals)

Chương trình đào tạo ngành Thiết kế thời trang nhằm đào tạo ra những cử nhân có đầy đủ các kiến thức chuyên ngành TKTT để thiết kế và phát triển sản phẩm thời trang, có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, có thái độ nghề nghiệp phù hợp đáp ứng được các yêu cầu phát triển của các doanh nghiệp may mặc thời trang và xã hội

Mục tiêu đào tạo (Objectives)

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật chuyên ngành thiết kế thời trang
2. Kỹ năng và tố chất cá nhân và chuyên nghiệp trong lĩnh vực thiết kế thời trang
3. Kỹ năng giao tiếp: làm việc theo nhóm và giao tiếp

4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường – quá trình sáng tạo thời trang

Chuẩn đầu ra (Program outcomes)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN KỸ THUẬT	Lấy thang đo max trong lộ trình
1.1.	Kết nối được các nguyên tắc cơ bản trong khoa học xã hội và tự nhiên (Chủ nghĩa Xã hội khoa học, toán học, vật lý học,...) vào lĩnh vực thiết kế thời trang.	4.0
1.2.	Phân tích các kiến thức nền tảng kỹ thuật cốt lõi trong lĩnh vực thiết kế thời trang như các khái niệm và phong cách thời trang, vật liệu thời trang, lịch sử trang phục, minh họa thời trang, các kỹ thuật xử lý chất liệu dùng trong thời trang	4.0
1.3.	Phát triển sáng tạo các kiến thức nền tảng kỹ thuật nâng cao trong lĩnh vực thiết kế thời trang như TKTT trên dressform, TKTT trên máy vi tính, các kiến thức về tổ chức show diễn, thiết kế thời trang các thể loại trang phục, kinh doanh thời trang.	5.0
2.	HÌNH THÀNH KỸ NĂNG VÀ PHÁT HUY TỐ CHẤT CÁ NHÂN VÀ TÍNH CHUYÊN NGHIỆP	
2.1.	Biện luận giải quyết các vấn đề kỹ thuật và mỹ thuật trong thiết kế thời trang thông qua các đồ án thiết kế bộ sưu tập thời trang, khảo sát thị trường, các chuyên đề thực tế.	5.0
2.2.	Thực nghiệm nghiên cứu khám phá kiến thức thiết kế thời trang thông qua các đồ án thiết kế bộ sưu tập thời trang, khảo sát thị trường, các chuyên đề thực tế.	5.0
2.3.	Phát triển kỹ năng tư duy tầm hệ thống để giải quyết các vấn đề thiết kế thời trang trong lĩnh vực công nghiệp thời trang để thiết kế thời trang, khảo sát thị trường, chuyên đề thực tế.	5.0
2.4.	Thiết kế lịch trình học cho bản thân với thái độ, tư tưởng học tập đúng đắn, góp phần nâng cao hiệu quả học tập và nghiên cứu	5.0

2.5.	Kết nối học tập theo gương các nhà thiết kế tiêu biểu để hình thành đạo đức và thái độ nghề nghiệp chuẩn mực trong công tác thiết kế thời trang phát huy tinh thần dân tộc và văn minh.	4.0
3.	HÌNH THÀNH KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ LÀM VIỆC THEO NHÓM	
3.1.	Bố trí phối hợp làm việc hiệu quả trong nhóm đa ngành nghề	4.0
3.2.	Phát triển kỹ năng sử dụng các công cụ giao tiếp như văn bản, thư điện tử, đồ họa và thuyết trình	5.0
3.3.	Thực nghiệm hiệu quả tiếng Anh trong học tập	4.0
4.	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG THIẾT KẾ, TRIỂN KHAI, VẬN HÀNH TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG – QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO THỜI TRANG	
4.1.	Giải thích được mối liên hệ giữa các hoạt động thiết kế thời trang đối với môi trường và xã hội thông qua các dự án thời trang liên kết với doanh nghiệp, thực tập xí nghiệp	5.0
4.2.	Nhận định căn bản bối cảnh doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực may - thời trang thông qua thực hiện các dự án thời trang liên kết với doanh nghiệp, thực tập xí nghiệp	5.0
4.3.	Xúc cảm và hình thành ý tưởng cụ thể về các dự án thiết kế thời trang	6.0
4.4.	Đánh giá sâu sắc ý tưởng để thiết kế các dự án thời trang	6.0
4.5.	Triển khai căn bản các dự án thiết kế thông qua các đồ án thiết kế, đồ án tốt nghiệp	5.0
4.6.	Vận hành các dự án thời trang thông qua các đồ án thiết kế, đồ án tốt nghiệp	5.0
4.7.	Thiết lập các định hướng trong thiết kế và kinh doanh thời trang	4.0
4.8.	Xác lập kế hoạch cho sáng nghiệp kinh doanh thời trang	4.0

Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực		Mô tả ngắn
$0.0 \leq \text{TĐNL} \leq 1.0$	Cơ bản	Nhớ: Sinh viên ghi nhớ/ nhận ra/ nhớ lại được kiến thức bằng các hành động như định nghĩa, nhắc lại, liệt kê, nhận diện, xác định,...

$1.0 < \text{TĐNL} \leq 2.0$	Đạt yêu cầu	Hiểu: Sinh viên tự kiến tạo được kiến thức từ các tài liệu, kiến thức bằng các hành động như giải thích, phân loại, minh họa, suy luận, ...
$2.0 < \text{TĐNL} \leq 3.0$		Áp dụng: Sinh viên thực hiện/ áp dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm như mô hình, vật thật, sản phẩm mô phỏng, bài báo cáo,...
$3.0 < \text{TĐNL} \leq 4.0$	Thành thạo	Phân tích: Sinh viên phân tích tài liệu/ kiến thức thành các chi tiết/ bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng tổng thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp,...
$4.0 < \text{TĐNL} \leq 5.0$		Đánh giá: SV đưa ra được nhận định, dự báo về kiến thức/ thông tin theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đo lường đã được xác định bằng các hành động như nhận xét, phản biện, đề xuất,...
$5.0 < \text{TĐNL} \leq 6.0$	Xuất sắc	Sáng tạo: SV kiến tạo/ sắp xếp/ tổ chức/ thiết kế/ khái quát hóa các chi tiết/ bộ phận theo cách khác/ mới để tạo ra cấu trúc/ mô hình/ sản phẩm mới.

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 132tín chỉ

(không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		50
A. Khối kiến thức bắt buộc		38
I. Lý luận chính trị + Pháp luật		12
1	Các NL cơ bản của CN Mác-Lênin	5
2	Đường lối CM của ĐCSVN	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4	Pháp luật đại cương	2
II. Toán học và KHTN		23
1.	Toán ứng dụng	3
2.	Xử lý chất liệu	4(1+3)
3.	Lịch sử trang phục 1	2
4.	Lịch sử trang phục 2	2
5.	Hình họa cơ bản	3(1+2)
6.	Vẽ mỹ thuật căn bản	3(1+2)
7.	Vẽ Minh họa thời trang cơ bản	3(1+2)
8.	Vật liệu thời trang	3

III. Nhập môn ngành		3 (2+1)
B. Khối kiến thức tự chọn		12
IV. Tin học		4
1	Tin học ứng dụng (Adobe Illustrator)	4(1+3)
V. Khoa học xã hội nhân văn (theo danh mục)		06
VI. Toán học và KHTN		00
VII. Khác (khoa đề xuất)		2
1.	Mỹ học	2
2.	Nhiếp ảnh	2(1+1)
3.	Khoa học về màu sắc	2
C. Khối kiến thức GDTC + GDQP		
VIII. Giáo dục thể chất		
1	Giáo dục thể chất 1	1
2	Giáo dục thể chất 2	1
3	Tự chọn <i>Giáo dục thể chất 3</i>	3
IX. Giáo dục quốc phòng		165 tiết
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP		82
Cơ sở nhóm ngành và ngành		20
Cơ sở ngành		
Chuyên ngành		40
kiến thức chuyên gia, liên kết với DN		0
Thí nghiệm, thực tập, thực hành		13
Trong đó, thực tập tốt nghiệp		2
Khóa luận tốt nghiệp		7

7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các môn học bắt buộc)

A – Phần bắt buộc

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

A – Phần bắt buộc

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	LLCT150105	Những NLCB của CN Mác – Lênin	5	không
2.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LLCT150105
3.	LLCT230214	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	LLCT150105, LLCT120314
4.	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	không
5.	MATH133401	Toán ứng dụng	3	không
6.	MAHA241452	Xử lý chất liệu	4(1+3)	FUFA130952, Tách nhóm TH

7.	WCHI120252	Lịch sử trang phục 1	2	không
8.	ECHI220352	Lịch sử trang phục 2	2	không
9.	BGRA130752	Hình họa cơ bản	3(1+2)	Không, Tách nhóm TH
10.	BADR140552	Vẽ mỹ thuật căn bản	3(1+2)	Không, Tách nhóm TH
1.	BAIL131052	Vẽ Minh họa thời trang cơ bản	3(1+2)	Không, Tách nhóm TH
11.	FAMA131152	Vật liệu thời trang	3	Không
12.	ITFD130352	Nhập môn ngành TKTT	3(2+1)	Không
13.	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	1	Không
14.	PHED110613	Giáo dục thể chất 2	1	Không
15.	PHED130715	Giáo dục thể chất 3	3	Không
16.		Giáo dục quốc phòng	165 tiết	Không
Tổng			38	

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	BSPM241252	Thiết kế rập căn bản	4(2+2)	Không
2.	ARTH130152	Lịch sử mỹ thuật	3	Không
3.	PRVI220752	Nguyên lý thị giác	2(1+1)	Không
4.	FUFA231352	Nền tảng thiết kế thời trang	3(2+1)	FUFA130952, BAIL131052, TDFD121552
5.	AADR230652	Vẽ mỹ thuật nâng cao	3(1+2)	BADR140552, Tách nhóm TH
6.	ADIL331152	Vẽ Minh họa thời trang nâng cao	3(1+2)	BAIL131052, Tách nhóm TH
Tổng			18	

7.2.2.a Kiến thức chuyên ngành (cho các học phần lý thuyết và thí nghiệm)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
Chuyên ngành lý thuyết				
1.	TDFD121552	Vẽ kỹ thuật thiết kế thời trang	2(1+1)	Không, Tách nhóm TH
2.	ADPM241652	Thiết kế rập nâng cao	4(2+2)	BSPM241252
3.	FDDF341752	Thiết kế thời trang trên dressform	4(1+3)	Không, Tách nhóm TH
4.	CAFD341852	Thiết kế rập trên máy tính	4(1+3)	ADPM241652, ACDE321952 Tách nhóm TH

5.	ACDE321952	Thiết kế phụ trang	2(1+1)	FUFA231352, AADR230652, BSPM241252
6.	FAPR312052	Đồ án thiết kế thời trang nam	1	FDDE341752,
7.	FAPR312152	Đồ án thiết kế thời trang nữ	1	FDDE341752,
8.	FAPR412252	Đồ án thiết kế thời trang ấn tượng	1	FDDE341752, BAIL131052, MAHA241452
9.	POPR312352	Đồ án trình bày Portfolio	1	Không
10.	FABU332752	Kinh doanh thời trang	3	Không
11.	FMAK423652	Marketing thời trang	2	Không
12.	FSOR332652	Tổ chức show diễn	3(2+1)	Không
13.	ASEN222852	Liên kết doanh nghiệp	2	Không Mời chuyên gia
Tổng			29	
Chuyên ngành thực tế XN				
1.	SSFT322952	Chuyên đề ngoại khóa	2	Không

7.2.2.b Kiến thức chuyên ngành (các học phần thực hành xưởng, thực tập công nghiệp)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
Chuyên ngành thực hành xưởng				
1.	PSKE323052	TH ký họa	2	Không, Tách nhóm TH
2.	PADW223152	TH hình họa nâng cao	2	BGRA130452 Tách nhóm TH
3.	PACD321652	TH thiết kế phụ trang	2	BASP233452 Tách nhóm TH
4.	PBSE113352	TH may căn bản	1	Không, Tách nhóm TH
5.	BASP233452	TH may trang phục căn bản	3	PBSE113352 Tách nhóm TH
6.	AASP333552	TH may trang phục nâng cao	3	BASP233452 Tách nhóm TH
Tổng			13	
Chuyên ngành thực tập tốt nghiệp				
1.	GRPR423352	Thực tập tốt nghiệp	2	Các môn TKTT
Tổng			02	

7.2.3. Tốt nghiệp

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
-----	------------	--------------	------------	-------------------------------

1.	FPFD473752	Khóa luận tốt nghiệp	07	Đạt kỳ thi kiểm tra năng lực “Qualified exam”
Tổng			07	

B – Phần tự chọn:

Kiến thức giáo dục đại cương: 12 Tín chỉ

Khối kiến thức các môn học thuộc nhóm Tin học do khoa đề xuất : 4 TC

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	ITAP143852	Tin học ứng dụng (Adobe Illustrator)	4(1+3)	Tách nhóm TH

Khối kiến thức các môn học thuộc nhóm Khoa học xã hội – nhân văn (*SV chọn 06TC trong các môn học sau*):

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	CSVH230338	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	không
2.	INLO220405	Nhập môn Xã hội học	2	không
3.	ENPS220591	Tâm lý học kỹ sư	2	không
4.	SYTH220491	Tư duy hệ thống	2	không
5.	LESK120190	Kỹ năng học tập đại học	2	không
6.	PLSK120290	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	2	không
7.	WOPS120390	Kỹ năng làm việc trong môi trường kỹ thuật	2	không
8.	REME320690	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	không

Khối kiến thức các môn học tự chọn đại cương khác do khoa đề xuất (*SV chọn 02TC trong các môn học sau*):

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	AEST220252	Mỹ học	2	không
2.	PPHO224052	Nhiếp ảnh	2(1+1)	Không, Mời chuyên gia

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 12 TC

Cơ sở ngành : (*Sinh viên chọn 02 TC học phần theo chuyên ngành của mình*)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	DRLA423752	Bố cục trang trí	2	BADR140552
2.	COSC224352	Khoa học màu sắc	2	không

Kiến thức chuyên ngành (Sinh viên chọn 10 TC học phần theo chuyên ngành của mình)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã tiên quyết
1.	UNDP324652	Đồ án thiết kế đồng phục	2	FUFA231352, BSPM241252
2.	CWDP324752	Đồ án Thiết kế thời trang trẻ em	2	FUFA231352, BSPM241252
3.	SWFD324852	Đồ án Thiết kế thời trang thể thao	2	FUFA231352, BSPM241252 FUFA130952
4.	UWDP324952	Đồ án Thiết kế thời trang lót	2	FUFA231352, BSPM241252
5.	JADE325052	Đồ án thiết kế áo khoác	2	FUFA231352, BSPM241252
6.	FABR325152	Xây dựng thương hiệu	2	Không
7.	VIME324152	Nghệ thuật trưng bày sản phẩm	2	Không
8.	MAUP314452	Trang điểm	1	không
9.	PMAU214952	TH trang điểm	1	Tách nhóm TH

C – Kiến thức liên ngành:

Sinh viên có thể chọn 6 tín chỉ liên ngành để thay thế cho các môn học chuyên ngành trong phần tự chọn:

- Xem danh sách các môn học được đề xuất trong phần Phụ lục, hoặc
- Sinh viên có thể tự chọn các môn học nằm ngoài danh sách được đề xuất trên tinh thần các môn học hỗ trợ hướng phát triển nghề nghiệp sau này. SV nên nhờ tư vấn thêm từ Ban tư vấn để có sự lựa chọn phù hợp.

D – Các môn học MOOC (Massive Open Online Courses):

Nhằm tạo điều kiện tăng cường khả năng tiếp cận với các chương trình đào tạo tiên tiến, SV có thể tự chọn các khóa học online đề xuất trong bảng sau để xét tương đương với các môn học có trong chương trình đào tạo:

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Môn học được xét tương đương MOOC (đường link đăng ký)
1.	DIPR324752	Nghệ thuật trưng bày sản phẩm	2	Visual Merchandising and Display http://www.arts.ac.uk/fashion/courses/short-courses/online-courses
2.	ACDE321952	Thiết kế phụ trang	2(1+1)	Fashion Accessories http://www.arts.ac.uk/fashion/courses/short-courses/online-courses
3.	BAIL131052	Vẽ Minh họa thời trang cơ bản	3(1+2)	Fashion Illustration http://www.arts.ac.uk/fashion/courses/short-courses/online-courses
4.	UWDP324952	Đồ án Thiết kế thời trang lót	2	Lingerie and Swimwear Design http://www.arts.ac.uk/fashion/courses/short-courses/online-courses
5.	TDF121552	Vẽ kỹ thuật thiết kế thời trang	2(1+1)	Fashion Design Technical Drawing https://www.fashionexpresslearning.co.uk/online-fashion-tech.aspx

8. Kế hoạch giảng dạy

Các môn không xếp vào kế hoạch giảng dạy, Phòng Đào tạo sẽ mở lớp trong các học kỳ để sinh viên tự lên kế hoạch học tập:

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	không
2.	MATH133401	Toán ứng dụng	3	không
3.	ARTH130152	Lịch sử mỹ thuật	3	không
4.	ITFD130352	Nhập môn ngành TKTT	3(2+1)	không
5.	BGRA130752	Hình họa cơ bản	3(1+2)	không
6.	BADR140552	Vẽ mỹ thuật căn bản	3(1+2)	không
7.	FAMA131152	Vật liệu thời trang	3	không
8.	PBSE113352	TH may căn bản	1	không
Tổng			21	
9.	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	1	

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	BAIL131052	Vẽ Minh họa thời trang cơ bản	3(1+2)	không
2.	TDFE121552	Vẽ kỹ thuật thiết kế thời trang	2(1+1)	không
3.	WCHI120252	Lịch sử trang phục 1	2	không
4.	ITAP144052	Tin học ứng dụng (Adobe Illustrator)	4(1+3)	không
5.	Chọn 2 trong số các môn học sau (KHXH-NV)		04	
6.	Chọn 1 trong các môn học sau (KTGD cơ sở ngành):		02	
7.	Chọn 1 trong các môn học sau (KTGDĐC khác do khoa đề xuất)		02	
Tổng			19	

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	FUFA231352	Nền tảng thiết kế thời trang	3(2+1)	FUFA130952, BAIL131052, TDFE121552
2.	BSPM241252	Thiết kế rập căn bản	4(2+2)	không
3.	BASP233452	TH may trang phục căn bản	3	PBSE113352
4.	AADR230652	Vẽ mỹ thuật nâng cao	3(1+2)	BADR140552
5.	PRVI220752	Nguyên lý thị giác	2(1+1)	không
6.	ECHI220352	Lịch sử trang phục 2	2	không
7.	ASEN222852	Chuyên đề 1 (chuyên gia)	2	không
Tổng			19	

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước,
----	-------	--------	-------	--------------

				MH tiên quyết
1.	DPM241652	Thiết kế rập nâng cao	4(2+2)	BSPM241252
2.	AASP333552	TH may trang phục nâng cao	3	BASP233452
3.	MAHA241452	Xử lý chất liệu	4(1+3)	FUFA130952
4.	PADW223152	TH hình họa nâng cao	2	BGRA130452
5.	FAPR312052	Đồ án thiết kế thời trang nam	1	FDDF341752,
6.	Chọn 1 trong số các môn học sau (KHXH-NV)		02	
	Tổng		16	

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	FDDF341752	Thiết kế thời trang trên dressform	4(1+3)	Không,
2.	FMAK423652	Marketing thời trang	2	Không
3.	PSKE323052	TH ký họa	2	Không,
4.	ACDE321952	Thiết kế phụ trang	2(1+1)	FUFA231352, AADR230652, BSPM241252
5.	PACD321652	TH thiết kế phụ trang	2	BASP233452
6.	Chọn 2 trong các môn học sau (KTGD chuyên ngành):		04	
	Tổng		16	
7.	SSFT322952	Chuyên đề 2 (ngoại khóa)	2	

Học kỳ 6:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	FSOR332652	Tổ chức show diễn	3(2+1)	Không
2.	FABU332752	Kinh doanh thời trang	3	Không
3.	ADIL331152	Vẽ Minh họa thời trang nâng cao	3(1+2)	BAIL131052,
4.	FAPR312152	Đồ án thiết kế thời trang nữ	1	FDDF341752,
5.	CAFD341852	Thiết kế rập trên máy tính	4(1+3)	ADPM241652, ACDE321952
6.	Chọn 2 trong các môn học sau (KTGD chuyên ngành):		4	
	Tổng		18	

Học kỳ 7:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	FAPR412252	Đồ án thiết kế thời trang ấn tượng	1	FDDF341752, BAIL131052, MAHA241452
2.	POPR312352	Đồ án trình bày Portfolio	1	Không
3.	GRPR423352	Thực tập tốt nghiệp	2	Các môn TKTT
4.	Chọn 1 trong các môn học sau (KTGD chuyên ngành):		2	
	Tổng		6	

Học kỳ 8:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	FPFD473752	Khóa luận tốt nghiệp	07	Đạt kỳ thi kiểm tra năng lực “Qualified exam”
Tổng			07	

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. <Tên học phần>

<n>tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: $n(a/b/c)$

(trong đó- a: số tín chỉ lý thuyết trên lớp

b: số tín chỉ học tại phòng LAB, hay thực tập máy tính, hay thực hành xưởng, nếu không có ghi 0;

c: số tín chỉ tự học, $c = n \times 2$)

Môn học trước: (chỉ ghi tên học phần tiên quyết nếu có, nếu không có thì ghi "không")

Môn học tiên quyết: (chỉ ghi tên học phần tiên quyết nếu có, nếu không có thì ghi "không")

Môn học song hành: (chỉ ghi tên học phần tiên quyết nếu có, nếu không có thì ghi "không")

Tóm tắt nội dung học phần:

A.PHẦN BẮT BUỘC

9.1 Kiến thức giáo dục đại cương:

01. Những NL cơ bản của CN Mác-Lênin

5

Phân bố thời gian học tập: 5(5/0/10)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên năm thứ nhất trình độ Đại học, cao đẳng.

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức: Khái lược về CN Mác – Lênin và một số vấn đề chung của môn học; Những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học của CN Mác – Lênin; Học thuyết kinh tế của CN Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; Những nội dung cơ bản thuộc lý luận của CN Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

02. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung chủ yếu của học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về tư tưởng, đạo đức giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới, chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế chính trị văn hóa xã hội theo đường lối của Đảng và Nhà nước.

- 03. Đường lối CM của ĐCSVN** **3**
Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)
Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh
Tóm tắt nội dung học phần:
Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới, trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.
- 04. Pháp luật đại cương** **2**
Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)
Điều kiện tiên quyết:
Tóm tắt nội dung học phần:
Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về các vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật, bao gồm các vấn đề về bản chất, nguồn gốc của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước; hệ thống pháp luật Việt Nam; quan hệ pháp luật và quy phạm pháp luật. Ngoài ra còn cung cấp nội dung cơ bản của một số ngành luật chính: bao gồm các chế định luật liên quan đến đời sống thực tế của công.
- 05. Toán ứng dụng** **3**
Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)
Điều kiện tiên quyết: không
Tóm tắt nội dung học phần:
Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về tập hợp và logic, lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, các phương pháp mô tả số liệu và một số bài toán thống kê. Qua đó rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: tư duy và lập luận hợp lý, chặt chẽ; xác định đúng thí nghiệm và biến cố có tính ngẫu nhiên; tính toán được khả năng xảy ra của biến cố ngẫu nhiên; ứng dụng kiến thức về biến ngẫu nhiên và thống kê toán học để giải quyết một số vấn đề có liên quan đến số liệu thống kê trong giáo dục, sản xuất, kinh tế, dinh dưỡng,...
- 06. Xử lý chất liệu** **4(1+3)**
Phân bố thời gian học tập: 4(1/3/8)
Điều kiện tiên quyết: Vật liệu thời trang
Tóm tắt nội dung học phần:
Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về các kỹ thuật xử lý chất liệu thủ công như thêu, đan, móc, đính kết, in, smocking, vẽ, nhuộm, đắp vải và một vài kỹ thuật cần tới sự hỗ trợ của máy may như may ráp mảnh, may chần, độn, may rút nhún, may xếp ply.... Người học nghiên cứu các tác động của kỹ thuật xử lý đến kiểu dáng trang phục, chất liệu sử dụng... Nhấn mạnh vào việc thực hành tạo hoa văn, họa tiết trên trang phục, sáng tạo ra các bề mặt vải mới. Qua đó, người học có khả năng phối hợp các kỹ thuật để thiết kế và sáng tạo các mẫu xử lý chất liệu theo ý tưởng, hình thành kỹ năng xử lý vải để tạo mới các nguyên vật liệu thời trang.

07. Lịch sử trang phục 1**2***Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)**Điều kiện tiên quyết: Không.**Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về lịch sử phát triển trang phục của các nước phương Tây từ thời sơ khai đến hiện đại. Qua đó người học nghiên cứu các thiết kế trang phục từ xưa đến nay, nhấn mạnh vào việc nhận dạng các chi tiết thiết kế trên quần áo, mối quan hệ giữa xu hướng thời trang đương đại với xu hướng thời trang trong quá khứ, và những nhân tố ảnh hưởng đến trang phục qua nhiều thế kỷ như kinh tế, chính trị, xã hội.

08. Lịch sử trang phục 2**2***Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)**Điều kiện tiên quyết: Không.**Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về lịch sử phát triển trang phục của một số nước phương Đông đặc trưng từ thời cổ đại đến hiện đại như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Indonesia..., đặc biệt là Việt Nam. Qua đó người học nghiên cứu điểm đặc trưng của các thiết kế trang phục truyền thống mỗi nước. Nhấn mạnh vào việc nhận diện kiểu dáng, màu sắc, hoa văn họa tiết, chi tiết thiết kế đặc trưng trên trang phục, và những nhân tố ảnh hưởng tác động đến việc hình thành trang phục truyền thống.

09. Hình họa căn bản**3(1+2)***Phân bố thời gian học tập: 3(1/2/6)**Điều kiện tiên quyết: Không.**Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ của các tín hiệu thị giác, các nguyên lý sáng tạo, các công thức và thủ pháp bố cục cơ bản cần thiết trong quá trình thiết kế các sản phẩm thời trang..

10. Vẽ mỹ thuật căn bản**3(1+2)***Phân bố thời gian học tập: 3(1/2/6)**Điều kiện tiên quyết: Không**Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học vẽ mỹ thuật cung cấp những kiến thức cơ bản về màu sắc, các nguyên tắc, qui luật của một bài trang trí. Phương pháp xây dựng bố cục, cách sáng tạo họa tiết và vận dụng một cách hợp lý vào từng đối tượng nghệ thuật, đặc biệt là ngành Thiết Kế Thời Trang.

11. Vẽ minh họa thời trang căn bản**3(1+2)***Phân bố thời gian học tập: 3(1/2/6)**Điều kiện tiên quyết: Vẽ mỹ thuật, Hình họa nâng cao, Vẽ Minh họa TT CB*

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần hướng dẫn sinh viên phương pháp vẽ nghiên cứu về các hình khối cơ bản, đầu tượng và tượng bán thân thạch cao. Từ đó, xây dựng cho sinh viên cách nhìn sự vật xung quanh bằng những hình khối đơn giản nhất, ứng dụng vào chuyên môn của mình.

12. Vật liệu thời trang

3

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, cấu tạo, tính chất, phạm vi ứng dụng của các loại vật liệu thời trang đang được sử dụng rộng rãi trong thực tế sản xuất ngành may thời trang. Đồng thời môn học cũng giới thiệu các quá trình hoàn tất vật liệu thời trang; hướng dẫn cách phân loại và nhận biết các loại vật liệu thời trang; đề xuất lựa chọn các vật liệu phù hợp đối với mỗi loại trang phục nhằm tăng giá trị và tính thẩm mỹ cho sản phẩm may thời trang.

13. Nhập môn ngành TKTT

3(2+1)

Phân bố thời gian học tập: 3(2/1/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức về Trường ĐH SPKT, Khoa CNM&TT nhằm giúp sinh viên nhanh chóng làm quen và hòa nhập với môi trường mới. Bên cạnh đó, trang bị cho sinh viên những định hướng về nghề nghiệp; giúp sinh viên hiểu rõ nhiệm vụ, vai trò, trách nhiệm của người cử nhân TKTT trong tương lai. Đồng thời, giúp sinh viên xây dựng và bồi dưỡng nền tảng đạo đức nghề nghiệp cũng như rèn luyện về Kỹ năng mềm.

9.2 Kiến thức giáo dục cơ sở ngành và nhóm ngành:

01. Thiết kế rập căn bản

4(1+3)

Phân bố thời gian học tập: 4(1/3/8)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về thiết kế rập phẳng căn bản như: phương pháp đo ni trên cơ thể người; lựa chọn thông số cử động phù hợp với kiểu dáng sản phẩm; thiết kế dựng hình một số trang phục căn bản; phương pháp tạo mẫu căn bản.. nhằm hình thành khả năng phân tích sản phẩm, lựa chọn phương án và triển khai quy trình thiết kế rập phẳng phù hợp

02. Lịch sử mỹ thuật 3

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử mỹ thuật từ thời nguyên thủy cho đến thời hiện đại của Việt Nam và thế giới. Qua đó, người học hiểu thêm về con người, các hiện vật, các tác phẩm nghệ thuật tạo hình... của từng giai đoạn lịch sử. Từ đó, có thể áp dụng các kiến thức đã học vào việc phát triển ý tưởng thiết kế thời trang.

03. Nguyên lý thị giác **2(1+1)**

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ của các tín hiệu thị giác, các nguyên lý sáng tạo, các công thức và thủ pháp bố cục cơ bản cần thiết trong quá trình thiết kế các sản phẩm thời trang.

04. Nền tảng thiết kế thời trang **3(2+1)**

Phân bố thời gian học tập: 3(2/1/6)

Điều kiện tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cốt lõi trong ngành thiết kế thời trang, làm nền tảng cơ sở cho những đồ án thiết kế sau này. Sinh viên được trang bị kiến thức với ba nội dung chính quan trọng như sau: Kiến thức tổng quát về thời trang, các nguyên lý thiết kế thời trang và cách thức chuyển tải ý tưởng để thiết kế bộ sưu tập cơ bản.

05. Vẽ mỹ thuật nâng cao **3(1+2)**

Phân bố thời gian học tập: 3(1/2/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học vẽ mỹ thuật cung cấp những kiến thức cơ bản về màu sắc, các nguyên tắc, qui luật của một bài trang trí. Phương pháp xây dựng bố cục, cách sáng tạo họa tiết và vận dụng một cách hợp lý vào từng đối tượng nghệ thuật, đặc biệt là ngành Thiết Kế Thời Trang.

06. Vẽ minh họa thời trang nâng cao **3(1+2)**

Phân bố thời gian học tập: 3(1/2/6)

Điều kiện tiên quyết: Vẽ mỹ thuật, Hình họa nâng cao, Vẽ Minh họa TT CB

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng vẽ phối màu phác thảo dáng thời trang nhằm thể hiện ý tưởng thiết kế sáng tạo, phương pháp phát triển từ thực tế, mô phỏng hình tượng ý tưởng bằng mô hình thu nhỏ.

9.3 Kiến thức giáo dục chuyên ngành:

01. Vẽ kỹ thuật thiết kế thời trang **2(1+1)**

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về vẽ kỹ thuật trong thiết kế trang phục, phân tích được các bản vẽ kỹ thuật. Đồng thời, sinh viên được thực hành vẽ mô tả phẳng các loại trang phục và hoàn thiện bản vẽ kỹ thuật các chi tiết sản phẩm trong thiết kế thời trang.

02. Thiết kế rập nâng cao

4(1+3)

Phân bố thời gian học tập: 4(1/3/8)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức nâng cao về thiết kế rập phẳng cũng như các phương pháp tạo mẫu phức tạp. Đồng thời, học phần cũng hướng dẫn người học xây dựng quy trình lắp ráp nhằm hiện thực hóa các bản vẽ thiết kế thành các sản phẩm thời trang.

03. Thiết kế thời trang trên dressform

4(1+3)

Phân bố thời gian học tập: 4(1/3/8)

Điều kiện tiên quyết: thiết kế rập phẳng căn bản

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp kiến thức và hướng dẫn sinh viên thực hành thiết kế, cắt dựng mẫu trực tiếp trên dressform, mà không cần sử dụng công thức như cắt may thông thường. Môn học bao gồm hai nội dung chính: kỹ thuật quần vải và kỹ thuật tạo hình rập 3D. Môn học sẽ hướng sinh viên đến lối tư duy sáng tạo kết hợp giữa nghệ thuật và kỹ thuật trong thiết kế thời trang.

04. Thiết kế rập trên máy tính

4(1+3)

Phân bố thời gian học tập: 4(1/3/8)

Điều kiện tiên quyết: thiết kế rập phẳng căn bản

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần hướng dẫn cho người học cách vận dụng và phương pháp thực hiện các chức năng của hệ phần mềm Optitex trong quá trình thiết kế rập nhằm đáp ứng nhu cầu triển khai sản xuất trong thực tế. Bên cạnh đó, học phần còn hướng dẫn sinh viên cách thiết lập mẫu 3D phục vụ cho công tác tiếp thị sản phẩm trang phục và tiết kiệm chi phí thử nghiệm mẫu.

05. Thiết kế phụ trang

2(1+1)

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, Vẽ mỹ thuật

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thiết kế các loại phụ kiện thời trang như nón, túi xách, trang sức, giày dép... Đồng thời hướng dẫn sinh viên các nguyên tắc phối hợp phụ kiện phù hợp với trang phục.

06. Đồ án thiết kế thời trang 1 (thời trang nam)

1

Phân bố thời gian học tập: 1(1/0/2)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, Thiết kế thời trang trên dressform, Minh họa TT.

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về các phong cách thời trang nam, phương pháp sáng tạo các dạng trang phục nam. Từ đó, hỗ trợ người học thực hiện hoàn chỉnh một bộ sưu tập thời trang nam.

07. Đồ án thiết kế thời trang 2 (thời trang nữ) 1

Phân bố thời gian học tập: 1(1/0/2)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, Thiết kế thời trang trên dressform, Minh họa TT.

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về các phong cách thời trang nữ, phương pháp sáng tạo các dạng trang phục nữ. Từ đó, hỗ trợ người học thực hiện hoàn chỉnh một bộ sưu tập thời trang nữ.

08. Đồ án thiết kế trang phục ấn tượng 1

Phân bố thời gian học tập: 1(1/0/2)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, Thiết kế thời trang trên dressform, Minh họa TT.

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về các phong cách thời trang ấn tượng, phác thảo dáng ấn tượng, phương pháp sáng tạo trang phục ấn tượng và ứng dụng của phong cách ấn tượng. Đồng thời, môn học còn góp phần củng cố kiến thức cho sinh viên về kỹ thuật thiết kế trên mannequin, kỹ thuật dựng hình thời trang và xử lý chất liệu. Từ đó, hỗ trợ sinh viên thực hiện hoàn chỉnh một bộ sưu tập ấn tượng.

09. Đồ án Thiết kế Portfolio 1

Phân bố thời gian học tập: 1(1/0/2)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, Vẽ mỹ thuật, Vật liệu thời trang, Vẽ minh họa thời trang

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu trúc của một đồ án môn học, hướng dẫn sinh viên thực hiện được một đề tài nghiên cứu về mặt lý thuyết từ lúc chọn lựa ý tưởng đến khi viết được đề cương chi tiết. Đồng thời môn học cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng trình bày bộ sưu tập với đa dạng thể loại trang phục theo nhiều phong cách khác nhau... nhằm bổ sung hồ sơ xin việc khi phỏng vấn tại các thương hiệu thời trang đang phổ biến tại Việt Nam.

10. Kinh doanh thời trang 2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên được trang bị kiến thức về công nghiệp thời trang xây dựng chiến lược kinh doanh, phương thức thành lập doanh nghiệp, cách thức tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh, trưng bày cửa hiệu và các kĩ năng bán hàng trong lĩnh vực thời trang.

11. Marketing thời trang **2**

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức tổng quan về thị trường thời trang, có khả năng khảo sát và nghiên cứu thị trường. Bên cạnh đó, sinh viên còn có thể xây dựng kế hoạch tiếp thị và quảng bá mặt hàng thời trang.

12. Tổ chức show diễn **2(1+1)**

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cách thức lập kế hoạch tổ chức show diễn thời trang. Sinh viên sẽ biết cách đánh giá và nhận định cơ hội, hoạch định ngân sách, tổ chức tốt show diễn thời trang. Bên cạnh đó, sinh viên còn được trang bị một số kiến thức căn bản về: truyền thông và quảng cáo, thiết kế sân khấu, tuyển lựa người mẫu, nghệ thuật trình diễn, âm nhạc, phong cách trang điểm, làm tóc, chụp ảnh bộ sưu tập...

13. Liên kết doanh nghiệp **2**

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cập nhật từ thực tế thiết kế và sản xuất dưới dạng chuyên đề khách mời nhằm giới thiệu các nội dung về thiết kế, công nghệ, quản lý sản xuất... đang được ứng dụng và triển khai có hiệu quả trong các doanh nghiệp may và thời trang.

14. Chuyên đề ngoại khóa **2**

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: hoàn thành toàn bộ chương trình học chuyên ngành

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học giúp sinh viên có kiến thức thực tế ở vùng miền nơi sinh viên đến. Sinh viên sẽ được cảm nhận về văn hóa, con người, phong tục tập quán, phong cảnh, nét đặc trưng tiêu biểu vùng miền. Từ đó, biến nguồn cảm nhận thành ý tưởng, đề tài phục vụ cho quá trình thiết kế.

15. TH Ký họa **2**

Phân bố thời gian học tập: 2(0//2/4)

Điều kiện tiên quyết: Vẽ mỹ thuật, Hình họa nâng cao

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp các kiến thức vẽ kỹ họa và rèn luyện kỹ năng vẽ nhanh, từ đó sinh viên có thể áp dụng để ghi lại hình ảnh, ý tưởng và sự kiện phục vụ cho công tác thiết kế và phát triển ý tưởng trong lĩnh vực thời trang.

16. TH hình họa nâng cao **2**

Phân bố thời gian học tập: 2(0/2/4)

Điều kiện tiên quyết: Hình họa cơ bản

Tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên được hướng dẫn phương pháp nghiên cứu và vẽ các bài học nâng cao: tượng bán thân và toàn thân. Đồng thời hướng dẫn sinh viên rèn luyện và nâng cao kỹ năng về bút pháp, chất liệu vẽ, đồng thời củng cố kiến thức về phương pháp xây dựng hình vẽ người toàn thân hoàn chỉnh.

17. TH thiết kế phụ trang **2**

Phân bố thời gian học tập: 2(0/2/4)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, Vẽ mỹ thuật

Tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên được thực hành thiết kế các loại phụ kiện thời trang như nón, túi xách, trang sức, giày dép và cách phối hợp phụ kiện phù hợp với trang phục.

18. TH may căn bản **1**

Phân bố thời gian học tập: 1(0/1/2)

Điều kiện tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức thiết kế các chi tiết căn bản, các đường may tay, may máy cơ bản được ứng dụng trên các sản phẩm may. Đồng thời, hướng dẫn sinh viên các kỹ thuật lắp ráp các chi tiết cơ bản trong trang phục như: các loại túi, dây kéo, lá bâu, ... theo qui trình công nghệ và tiêu chuẩn kỹ thuật.

19. TH may trang phục căn bản **3**

Phân bố thời gian học tập: 3(0/3/6)

Điều kiện tiên quyết: TH may căn bản

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần hướng dẫn kỹ thuật và phương pháp đo ni, hướng dẫn thực hiện phương pháp thiết kế, giác sơ đồ, cắt các chi tiết bán thành phẩm và lắp ráp hoàn chỉnh các trang phục căn bản như: áo blouse, áo sơ mi, quần tây, chân váy.

20. TH may trang phục nâng cao **3**

Phân bố thời gian học tập: 3(0/3/6)

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế rập căn bản, TH may trang phục căn bản

Tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên được hướng dẫn thiết kế rập, giác sơ đồ, cắt các chi tiết bán thành phẩm và lắp ráp hoàn chỉnh các trang phục nâng cao như: áo đầm 1 lớp, 2 lớp, áo dài. Đồng thời, sinh viên cũng rèn luyện và phát triển kỹ năng làm việc và lòng yêu nghề.

21. Thực tập tốt nghiệp **2**

Phân bố thời gian học tập: 2(0/2/4)

Điều kiện tiên quyết: hoàn thành toàn bộ môn học trong CTĐT

Tóm tắt nội dung học phần:

Theo định hướng đề tài tốt nghiệp hoặc định hướng nghề nghiệp của từng sinh viên hoặc nhóm sinh viên, sinh viên được phân công về các công ty thời trang, Viện hoặc Trung tâm thời trang... để tiến hành công việc hoàn thiện khối lượng kiến thức chuyên nghiệp đã học và chuẩn bị cho đề tài tốt nghiệp.

22. Khóa luận tốt nghiệp **7**

Phân bố thời gian học tập: 7(7/0/14)

Điều kiện tiên quyết: hoàn thành toàn bộ chương trình học

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần hướng dẫn cho sinh viên phương pháp thực hiện và trình bày một đề án tốt nghiệp: chuẩn bị cơ sở lý luận, phát triển ý tưởng, thực hiện mẫu thật, trình diễn thời trang.

B. PHẦN TỰ CHỌN

9.1 Kiến thức giáo dục đại cương KHXHNV:

01. Tâm lý học kỹ sư **2(1+1)**

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Để tạo nên sự tương tác giữa công nghệ và con người, sinh viên các ngành kỹ thuật công nghệ cần hiểu được đặc điểm tâm lý cơ bản của con người. Học phần Tâm lý học kỹ sư sẽ cung cấp cho sinh viên các ngành kỹ thuật công nghệ các kiến thức về tâm lý con người và ứng dụng các kiến thức này vào thiết kế hệ thống kỹ thuật phù hợp với con người.

02. Tư duy hệ thống **2(1+1)**

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tư duy hệ thống trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống, phương pháp luận tư duy hệ thống, các phương pháp tư duy sáng tạo; hình thành ở sinh viên khả năng lập luận và giải quyết vấn đề một cách hệ thống, logic và sáng tạo.

03. Kỹ năng làm việc trong môi trường kỹ thuật **2**

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: không
Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học Kỹ năng làm việc trong môi trường kỹ thuật thuộc nhóm môn học tự chọn của khối ngành kỹ thuật công nghệ. Môn học này nhằm hình thành cho sinh viên một số kỹ năng làm việc cơ bản trong môi trường kỹ thuật, đặc biệt là các kỹ năng làm việc trong môi trường đa văn hóa, hiện đại, có sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ.

04. Kỹ năng học tập đại học

2(2/0/4)

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: không
Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học “Kỹ năng học tập đại học” trang bị cho người học những kiến thức về phương pháp học tập ở đại học để sinh viên áp dụng rèn luyện hình thành các kỹ năng học tập ở bậc đại học, nhằm vận dụng được các kỹ năng này trong quá trình học tập ở trường đại học và sau này nhằm nâng cao hiệu quả học tập và nghiên cứu của bản thân. Qua môn học này hình thành ở người học khả năng tổ chức và thực hiện học tập một cách hệ thống, logic và khoa học.

05. Phương pháp Nghiên cứu khoa học

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Trong quá trình đào tạo ở trường Đại học, sinh viên không chỉ lĩnh hội tri thức từ phía giáo viên, mà học còn phải tự học và tự nghiên cứu. Từ tự giác, tích cực và sáng tạo, sinh viên sẽ tìm ra cái mới nhằm giải thích sâu sắc hay có lời giải phù hợp đó chính là sinh viên đã nghiên cứu khoa học. Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học bao gồm những nội dung về các khái niệm, qui trình và cấu trúc... Để từ đó sinh viên định hướng được việc lựa chọn đề tài nghiên cứu, soạn được đề cương và áp dụng được các phương pháp nghiên cứu trong khi thu thập và xử lý thông tin hợp lý trong khi tiến hành công trình nghiên cứu khoa học. Sinh viên sẽ chủ động trong việc đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu cấp trường cũng như tiến hành luận văn tốt nghiệp hay đồ án tốt nghiệp một cách khoa học và thành công.

06. Kỹ năng xây dựng kế hoạch

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: không
Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng kế hoạch. Hướng dẫn cho người học các kỹ năng tư duy và tìm kiếm giải pháp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh bản thân để từ đó người học hình thành cho mình kỹ năng xây dựng kế hoạch học tập, kế hoạch cá nhân ngắn hạn và dài hạn, kế hoạch cho công việc phù hợp và hiệu quả. Ngoài ra còn hướng dẫn người học cách thức và kỹ năng quản lý thời gian và sắp xếp công việc hiệu quả.

9.2 Kiến thức giáo dục đại cương tin học:

01. Tin Học Ứng Dụng

4(1+3)

Phân bố thời gian học tập: 4(1/3/8)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, Vẽ mỹ thuật
Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp thiết kế thời trang trên máy tính: kỹ năng vẽ dáng, thể hiện chất liệu, phác thảo và thiết kế mẫu trang phục trên máy tính... Sinh viên được thực hành thiết kế thời trang trên máy tính: kỹ năng vẽ, thể hiện, phác thảo và thiết kế mẫu trang phục trên máy tính... Đồng thời, học phần này giúp cho người học rèn luyện thái độ chuyên cần, tỉ mỉ và chuyên nghiệp trong thiết kế thời trang.

9.3 Kiến thức giáo dục đại cương khác do khoa đề xuất:

01. Mỹ học

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách nhìn nhận, đánh giá thế nào là cái đẹp, mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức, về thị hiếu thẩm mỹ, nhận thức thẩm mỹ... Từ đó, áp dụng vào chuyên môn, cuộc sống để phân tích, đánh giá các sản phẩm nghệ thuật mang tính thuyết phục cao.

02. Nhiếp ảnh

2(1+1)

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học giúp sinh viên hiểu được các kỹ thuật chụp ảnh cơ bản, phương pháp tạo hình cho người mẫu, cách lấy sắc độ, ánh sáng, xử lý ảnh... phục vụ cho việc thực hiện bộ ảnh trình bày các mẫu trang phục. Đây là môn học giúp người học phát triển kỹ năng hỗ trợ cho việc thực hiện các đồ án thiết kế thời trang..

9.4 Kiến thức giáo dục cơ sở ngành:

01. Bố cục trang trí

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp kiến thức về các loại bố cục, phương thức xây dựng một bài bố cục trang trí trên trang phục. Từ đó, tìm ra những ưu và nhược điểm của các loại bố cục để vận dụng vào kiến thức chuyên ngành thiết kế sản phẩm thời trang.

02. Khoa học về màu sắc

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học giúp sinh viên có kiến thức sâu về tính chất vật lý của màu sắc, nguồn gốc, thành phần, ý nghĩa của từng loại màu mang lại. Các nguyên tắc phối màu và sự vận dụng các màu trong cuộc sống và trong nghệ thuật.

9.5 Kiến thức giáo dục chuyên ngành:

01. Đồ án thiết kế đồng phục

1

Phân bố thời gian học tập: 1(1/0/2)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, Thiết kế thời trang trên dressform, Minh họa TT.

Thiết kế rập căn bản

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này nhằm cung cấp cho người học kiến thức về các thể loại đồng phục, phương pháp thiết kế sáng tạo đồng phục và những ứng dụng thiết kế đồng phục trong thực tiễn. Từ đó, hỗ trợ người học thực hiện hoàn chỉnh một bộ sưu tập đồng phục cho một ngành nghề đặc thù hoặc một đơn vị, tổ chức hoặc một nhóm cá nhân.

02. Đồ án thiết kế thời trang trẻ em

1

Phân bố thời gian học tập: 1(1/0/2)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, TK rập căn bản,, Phác thảo dáng thời trang CB

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về những phương pháp đo, phương pháp thiết kế các chi tiết thành phẩm của trang phục trẻ em. Đồng thời môn học cũng cung cấp các phương pháp chuyên đổi ly, tạo đường decoup, đường trang trí trên sản phẩm, phương pháp lựa chọn độ cử động toàn phần phù hợp với kiểu dáng sản phẩm và hình thái cơ thể trẻ em theo từng lứa tuổi. Từ đó hỗ trợ sinh viên thiết kế và may hoàn chỉnh bộ sưu tập thiết kế trang phục trẻ em.

03. Đồ án thiết kế thời trang thể thao

1

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, Vật liệu thời trang

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về trang phục thể thao, phong cách thời trang thể thao, phương pháp thiết kế trang phục mang phong cách thể thao. Người học nghiên cứu các thông tin liên quan đến môn thể thao, các chi tiết thiết kế đặc trưng trên trang phục thể thao, xu hướng để định hướng thiết kế phù hợp. Đồng thời môn học góp phần củng cố kiến thức cho sinh viên về kỹ thuật thiết kế dựng hình trên chất liệu vải dệt kim và xử lý chất liệu. Từ đó hỗ trợ người học sáng tạo và may hoàn chỉnh các mẫu thiết kế trang phục mang phong cách thể thao.

04. Đồ án thiết kế thời trang lót

1

Phân bố thời gian học tập: 1(1/0/2)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, TK rập căn bản,, Phác thảo dáng thời trang CB

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về những phương pháp đo, phương pháp thiết kế các chi tiết thành phẩm của quần lót, áo lót, váy lót. Đồng thời môn học cũng cung cấp các phương pháp tạo đường decoup, đường trang trí trên sản phẩm, phương pháp lựa chọn chất liệu và lựa chọn loại đường may cần sử dụng phù hợp với kiểu dáng sản phẩm và hình thái cơ thể người theo từng lứa tuổi. Từ đó, hỗ trợ người học thực hiện hoàn chỉnh một bộ sưu tập trang phục lót.

05. Đồ án thiết kế áo khoác **1**

Phân bố thời gian học tập: 1(1/0/2)

Điều kiện tiên quyết: Nền tảng thiết kế thời trang, TK rập căn bản,, Phác thảo dáng thời trang CB

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về những phương pháp đo, phương pháp thiết kế các chi tiết thành phẩm của áo khoác 1 lớp và 2 lớp. Đồng thời môn học cũng cung cấp các phương pháp sáng tạo áo khoác phù hợp với kiểu dáng sản phẩm và hình thái cơ thể người. Từ đó, hỗ trợ người học thực hiện hoàn chỉnh bộ sưu tập áo khoác.

06. Trang điểm **1**

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Vẽ mỹ thuật

Tóm tắt nội dung học phần:

Giới thiệu cho sinh viên ngành TKTT kiến thức cơ bản về trang điểm và chải bới tóc. Qua môn học này, sinh viên sẽ nắm vững các kỹ thuật lựa chọn mỹ phẩm trang điểm, kỹ thuật trang điểm mắt môi, kỹ thuật trang điểm ấn tượng, kỹ thuật che khuyết điểm và các xu hướng bới tóc đang thịnh hành. Từ đó, sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng trong trang điểm để phục vụ cho bộ sưu tập thiết kế thời trang

07. TH trang điểm **1**

Phân bố thời gian học tập: 1(0/1/2)

Điều kiện tiên quyết: Vẽ mỹ thuật

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần giới thiệu và hướng dẫn cho sinh viên ngành TKTT thực hành trang điểm và chải bới tóc căn bản. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ có khả năng vận dụng một cách sáng tạo các kỹ năng đã được học để ứng dụng vào việc trang điểm và tạo mẫu tóc cho người mẫu phù hợp với ý tưởng thiết kế của các bộ sưu tập thời trang.

08. Xây dựng thương hiệu **2**

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học Xây dựng thương hiệu thời trang cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về quy trình xây dựng thương hiệu, giới thiệu các công cụ để quảng bá thương hiệu. Sau khi kết thúc môn học, Sinh viên có thể biết sơ lược về thực trạng xây dựng thương hiệu thời trang tại Việt nam và có khả năng lập kế hoạch xây dựng một thương hiệu thời trang

09. Nghệ thuật trưng bày sản phẩm

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Visual Merchandising (VM)-Nghệ thuật trưng bày sản phẩm thời trang là môn học cung cấp cho sinh viên nhưng kiến thức cơ bản về sự kết hợp giữa nghệ thuật sắp đặt-thời trang-kiến trúc nội thất nhằm gây ấn tượng, thu hút sự chú ý của khách hàng đến các sản phẩm thời trang bày bán nhằm gia tăng doanh số bán hàng. Hàng hóa được trưng bày dựa trên sự nghiên cứu về hành vi, tâm lý, thói quen mua hàng của người tiêu dùng.

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

10.1. Các xưởng, phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

STT	Tên xưởng/phòng	Số lượng
1	Xưởng hình họa 1	01
2	Xưởng hình họa 2	01
3	Xưởng TKTT	01
4	Xưởng Cắt	01
5	Xưởng may	05
6	Xưởng công nghệ	01

10.2. Thư viện, trang Web

STT	Thư viện, trang WEB	Ghi chú
1	Thư viện	Sử dụng thư viện trường
2	Tủ sách chuyên ngành Khoa Công nghệ may & TT	Sách chuyên ngành CN may & TKTT
3	www.vinatex.com.vn	Giới thiệu về ngành may mặc Việt Nam và thường xuyên cập nhật các thông tin về ngành
4	www.textileasia-business.com	Cung cấp các thông tin về ngành vải sợi may mặc tại khu vực châu Á, những bài báo, tin tức liên quan
5	www.vogue.com	Cung cấp thông tin, bài viết về các xu hướng thời trang thế giới
6	www.fashion-era.com	Cung cấp thông tin, bài viết về lịch sử thời trang
7	www.fashion.net	Cung cấp thông tin về các xu hướng thời trang mới nhất, thông tin về các nhà thiết kế nổi tiếng
8	www.ftv.com	Cung cấp thông tin về các xu hướng thời trang

9	www.fashiontrendsetter.com	Cung cấp thông tin về các xu hướng thời trang
10	www.vmode.vn	Cung cấp thông tin về các xu hướng phát triển ngành
11	www.thoitrang.com	Giới thiệu các mẫu mã thời trang thuộc nhiều loại trang phục khác nhau
12	www.stylist.vn	Giới thiệu các phong cách thời trang khác nhau
13	www.fashioncampus.it	Cung cấp thông tin về các xu hướng thời trang mới nhất
14	www.elle.com	Cung cấp thông tin về các xu hướng thời trang mới nhất

10.3. Đường link các chương trình đào tạo của các trường nước ngoài

<https://www.nafa.edu.sg/>

<http://www.bunka-fc.ac.jp/en/programs.html>

<https://www.shiksha.com/design/fashion-design/course/b-sc-in-fashion-design-madras-institute-of-fashion-technology-vadapalani-chennai-251910>

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- a. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT và của trường ĐH SPKT Tp.HCM.

Giờ quy định tính như sau:

- 1 tín chỉ = 15 tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp
- = 30 giờ thí nghiệm hoặc thực hành
- = 45 giờ tự học
- = 45 ÷ 90 giờ thực tập tại cơ sở.
- = 45 ÷ 60 giờ thực hiện đề án, khoá luận tốt nghiệp.

Số giờ của môn học là bội số của 15.

- b. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ được Hội đồng Khoa học Đào tạo trường quyết định vào đầu các khóa tuyển sinh. Trong thời gian học tập, Nhà trường sẽ kiểm soát sự phát triển trình độ ngoại ngữ của sinh viên qua từng năm học để quyết định số tín chỉ các môn học trong học kỳ mà SV được phép đăng ký. SV có thể tự học hoặc đăng ký theo học chương trình phát triển năng lực ngoại ngữ theo đề án của Nhà trường.

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

PHỤ LỤC CÁC MÔN HỌC LIÊN NGÀNH

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Lưu ý
1.	GQMA331351	Quản lý chất lượng trang phục	3	Liên ngành CN may
2.	BCOM321906	Giao tiếp trong kinh doanh	2	Liên ngành Kinh tế
3.	ECOM421308	Thương mại Điện tử	2	Liên ngành Kinh tế
4.	SHTT 224156	Luật sở hữu trí tuệ	2	
5.	PRGD 323556	Phối cảnh trong thiết kế, quảng cáo, minh họa	2(1+1)	
6.	CADE 434556	Thiết kế 9 (Thiết kế lịch, Thiệp)	3(1+2)	
7.	ADDE 434656	Thiết kế 10 (Thiết kế quảng cáo)	3(1+2)	
8.	TYPO 443956	Nghệ thuật chữ	4(2+2)	
9.	BRDE 434056	Thiết kế 3 (TK ấn phẩm nhận diện thương hiệu)	3(1+2)	
5	BPLA121808	Kế hoạch khởi nghiệp	2	
6	CUSM321006	Quan hệ quản trị khách hàng	2	
		Xuất nhập khẩu hàng may mặc	2	
	IGTN426151	Đàm phán KD hàng may mặc	2	
	SCMA430709	Quản trị chuỗi cung ứng	2	
	PSFD320951	Tâm lý học kinh doanh	2	